

Bản án số: 276/2023/HS-PT

Ngày: 27-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Đinh Chí Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 241/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Huỳnh Phong C** và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2023/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

- **Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:** **Trần Huỳnh Phong C**, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2005 tại tỉnh An Giang; Nơi thường trú: **Ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12 (tại phiên tòa bị cáo khai học hết lớp 5); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Thanh P** và bà **Huỳnh Thị B**; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang được tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Huỳnh Văn T**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2001 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: **Ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12 (tại phiên tòa bị cáo khai học hết lớp 6); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật (tại phiên tòa bị cáo khai không có tôn giáo); Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Huỳnh Văn D** và bà **Lê Thị T1** (mẹ kế là bà **Lê Ngọc C1**); **S** như vợ chồng với chị **Trần Ngọc H**, chưa có con; Tiền án, tiền sự:

Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang được tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có bị cáo **Huỳnh Thiện P1** không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 45 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2023 **Công an huyện H** phối hợp với **Công an xã T**, tuần tra để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Khi đến tuyến đường nông thôn thuộc **ấp B, xã T** thì phát hiện **Huỳnh Văn T** điều khiển xe mô tô biển kiểm số 66G1-725.27 chở theo **Huỳnh Thiện P1** có biểu hiện nghi vấn nên tổ công tác ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra, trong lúc **T** dừng phương tiện thì **P1** dùng tay phải ném 02 viên nén màu xám và 01 túi nylon dạng nắp kẹp, màu đen bên trong có chứa tinh thể rắn là ma túy xuống đường. Nền lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm nên **Công an huyện H** chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) viên nén, màu xám được niêm phong trong 01 phong bì giấy, có chữ ký ghi họ tên của **Đào Hữu N, Trần Ngọc L, Nguyễn Văn B1, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thiện P1** và hình con dấu tròn màu đỏ của **Công an xã T**.

- 01 (một) túi nylon, màu đen, dạng nắp kẹp, bên trong chứa tinh thể rắn được niêm phong bì giấy, có chữ ký ghi họ tên của **Đào Hữu N, Trần Ngọc L, Nguyễn Văn B1, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thiện P1** và hình con dấu tròn màu đỏ của **Công an xã T**.

- 01 tờ giấy màu trắng (đã qua sử dụng), dùng để gói ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng có gắn sim thuê bao Viettel số 0359699737 (đã qua sử dụng).

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE FI, màu: xám-đen, số máy JC 90E0269803, số khung RLHJC765XNY311273, biển số 66G1-725.27 (đã qua sử dụng).

Kết luận giám định số 407/KL-KTHS, ngày 14 tháng 4 năm 2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, kết luận:

- Hai viên nén màu xám được niêm phong trong phong bì giấy nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,940 gam, loại MDMA (số thứ tự 11, mục IB thuộc Danh mục I, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ);

- Tinh thể rắn chứa trong 1 túi nylon màu đen dạng nắp kẹp một đầu được niêm phong trong phong bì giấy nêu trên gửi đi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,407 gam, loại Ketamine (số thứ tự 40 thuộc Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ).

Quá trình điều tra, T, P1 và C thừa nhận là bạn bè, nên vào ngày 12 tháng 4 năm 2023, T và P1 đến nhà C để ăn uống, thì C rủ T và P1 hùn tiền để mua ma túy sử dụng, T và P1 đồng ý. Lúc này P1 dùng ứng dụng Facebook, nhắn tin M cho tên tài khoản Hoàng N1 để hỏi mua ma túy “một chấm, hai con” bao nhiêu tiền, thì được trả lời là 1.700.000 đồng, nên C đưa cho P1 700.000 đồng. Lúc này, P1 điều khiển xe mô tô biển số 66G1-725.27 chở T đến tiệm Đ để cầm điện thoại nhãn hiệu Realme (của T) với giá 1.000.000 đồng. Khi đủ tiền, P1 và T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến thành phố H để mua ma túy (do người thanh niên không rõ họ tên) giao. Nhận được ma túy T và P1 về nhà khi đến ấp B, xã T bị bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2023/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T đồng phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Huỳnh Phong C 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Huỳnh Thiện P1 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 và 29 tháng 8 năm 2023, các bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định kháng nghị số: 140/QĐ-VKSĐT, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số: 41/2023/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự về hình phạt và áp dụng pháp luật đối với bị cáo C, đề nghị cấp phúc sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Huỳnh Phong C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Văn T là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Huỳnh Văn T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

Đối với bị cáo Trần Huỳnh Phong C, trong vụ án này, bị cáo C là người rủ rê các bị cáo T, P1 cùng thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Nhưng án sơ thẩm nhận định, sắp xếp, phân hóa vai trò đồng phạm của các bị cáo C, T là chưa phù hợp với từng hành vi, tính chất của các bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo C là người rủ rê các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có bị cáo Huỳnh T2. Phổ là người dưới 18 tuổi, nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo C được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, chưa đúng với quy định pháp luật. Bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Huỳnh Phong C và chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt và áp dụng pháp luật, tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Huỳnh Phong C từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Các bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T không tranh luận. Nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với kết luận giám định số: 407/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của phòng K Công an tỉnh Đ, vật chứng và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Do nghiện ma túy nên bị cáo C đã rủ T và P1 cùng nhau hùn số tiền 1.700.000 đồng để mua ma túy về sử dụng thì bị bắt quả tang. Các bị cáo đều thừa nhận đã có hành vi tàng trữ hai viên nén màu xám là loại MDMA có khối lượng 0,940 gam và Ketamine khối lượng 0,407 gam.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo Trần Huỳnh Phong C, Huỳnh Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác như: Trộm cắp, cướp giật, ... làm gia tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy trong xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích phạm tội là để tư lợi cá nhân, nhằm thỏa mãn cơn nghiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo **Huỳnh Văn T** là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo **Huỳnh Văn T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Văn T**, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **Huỳnh Văn T**.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị cáo **C** là người rủ rê các bị cáo **T**, **P1** cùng thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Án sơ thẩm đã nhận định, sắp xếp, phân hóa vai trò đồng phạm của các bị cáo **C**, **T** là chưa phù hợp với từng hành vi, tính chất của các bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo **C** là người rủ rê các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có bị cáo **Huỳnh T2**. Phô là người dưới 18 tuổi, nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **C** là có thiếu sót, chưa đúng với quy định pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Huỳnh Phong C** và chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt và áp dụng pháp luật, tăng hình phạt đối với bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C** và **Huỳnh Văn T**. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **Huỳnh Văn T**.

Chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt và áp dụng pháp luật, tăng hình phạt đối với bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**.

2. Tuyên bố các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Huỳnh Phong C** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn T** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo **Trần Huỳnh Phong C**, **Huỳnh Văn T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam CAT;
- TAND huyện Hồng Ngự (06 bản);
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS CA huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh

